

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Nam Thành

2. Địa chỉ

- Phố Phúc Chính 2 – Phường Nam Thành – Thành phố Ninh Bình - Ninh Bình

- Điện thoại: 0912 946 475

- Website <https://ninhbinh.edu.vn/thnamthanh>

3. Loại hình: Trường Tiểu học công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: Phòng Giáo dục và Đào tạo Thành phố Ninh Bình.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu

- *Sứ mệnh:* Tạo dựng một môi trường học tập thân thiện, có kỷ cương, tình thương trách nhiệm, trường có chất lượng giáo dục cao để mỗi học sinh đều được phát triển toàn diện, phát triển phẩm chất năng lực của công dân toàn cầu.

- *Tầm nhìn:* Phân đầu xây dựng nhà trường có cơ sở vật chất khang trang, hiện đại, đáp ứng mọi điều kiện dạy và học trong giai đoạn mới. Nâng cao vị thế của nhà trường trên địa bàn thành phố; giáo viên, học sinh luôn tự tin, năng động và luôn có khát vọng vươn lên. Phân đầu duy trì các tiêu chuẩn đánh giá trường tiểu học mức 3 và đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3.

- *Mục tiêu tổng quát:* Nâng cao chất lượng giáo dục và các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất cho mỗi học sinh;

Tập trung tốt các điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Nâng cao vị thế của nhà trường, xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Trường Tiểu học Nam Thành được thành lập theo Quyết định số 25/QĐ-TCCB ngày 21 tháng 7 năm 1997 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình. Trường nằm ở phía Bắc của phường Nam Thành, thuộc phố Phúc Chính 2, phường Nam Thành, thành phố Ninh Bình. Trường có tổng diện tích 6 238m² (Khu A: 5 090m², khu B: 1148m²); có diện tích sân chơi: 2500 m², nhà đa năng: 350 m² ; khuôn viên đẹp, thoáng mát, khang trang, sạch sẽ.

Qua 27 năm xây dựng và trưởng thành, Trường Tiểu học Nam Thành đã có sự thay đổi lớn về quy mô trường lớp và chất lượng giáo dục. Nhà trường đã được UBND tỉnh Ninh Bình công nhận trường chuẩn quốc gia mức độ 2 năm 2011, công nhận tiếp tục đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 vào tháng 10 năm 2016, đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3 năm 2015; được Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp tục công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục Cấp độ 3 và UBND tỉnh công nhận Trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2 tháng 6/2022.

Từ khi thành lập đến nay, trường có nhiều giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi cấp quốc gia, cấp thành phố, cấp tỉnh, nhiều học sinh đạt học sinh giỏi các cấp. Nhiều năm liền nhà trường đạt danh hiệu Tập thể lao động Tiên tiến, Tập thể lao động Xuất sắc và 3 lần được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen. Với sự nỗ lực

của tập thể sư phạm, nhà trường vinh dự được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2010-2011, được Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng Bằng khen đã có thành tích trong công tác giáo dục và đào tạo từ năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Được Chủ tịch UBND thành phố tặng giấy khen đạt thành tích xuất sắc trong thực hiện mô hình phong trào “An toàn trường học”; giấy khen có thành tích xuất sắc trong 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW.

27 năm thi đua “Dạy tốt - Học tốt”, đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên được đảm bảo về số lượng, mạnh về chất lượng, thành tích của thầy và trò ngày một nhiều thêm. Tính đến nay, nhà trường có: 01 giáo viên dạy giỏi cấp Quốc gia; 06 cán bộ, giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh; 27 giáo viên dạy giỏi cấp thành phố; 05 cán bộ, giáo viên được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen; 28 lượt cán bộ, giáo viên được công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua, 36 lượt cán bộ, giáo viên được Chủ tịch UBND Thành phố tặng giấy khen, 35 học sinh đạt giải cấp Quốc gia, 125 học sinh đạt giải cấp Tỉnh, 203 học sinh đạt giải cấp Thành phố.

Từ mái trường này, các thế hệ học sinh vững bước lên trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, lên giảng đường đại học, nhiều em đã và đang ngày đêm đóng góp công sức xây dựng quê hương đất nước, trở thành những công dân có ích cho xã hội.

Với lòng tâm huyết của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, vị trí của nhà trường ngày càng được nâng cao, trở thành một địa chỉ tin cậy của nhân dân địa phương khi gửi gắm con em mình.

Trong những năm học tiếp theo, các thế hệ thầy giáo, cô giáo và học sinh Trường Tiểu học Nam Thành quyết tâm phấn đấu tô thắm thêm trang sử truyền thống vẻ vang của mái trường thân yêu này.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

- Họ và tên: Đinh Thị Anh Đào
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Phố Phúc Chính 2 – Phường Nam Thành – Thành phố Ninh Bình - Ninh Bình
- Số điện thoại: 0912 946 475
- Địa chỉ thư điện tử: anhdaohmx@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường

Trường Tiểu học Nam Thành được thành lập theo Quyết định số 25/QĐ-TCCB ngày 21 tháng 7 năm 1997 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình. Trường nằm ở phía Bắc của phường Nam Thành, thuộc phố Phúc Chính 2, phường Nam Thành, thành phố Ninh Bình.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Hội đồng trường Trường Tiểu học Nam Thành được thành lập theo Quyết định số 1044/QĐ-UBND ngày 02 tháng 06 năm 2009 của UBND thành phố Ninh Bình, đến nay, Hội đồng trường được kiện toàn lại theo Quyết định số 5237/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Ninh Bình, gồm 11 thành viên.

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ hiện tại	Chức danh Hội đồng trường
1	Đinh Thị Anh Đào	22/08/1974	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	Hà Thị Tố Mai	17/10/1968	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Mai Thị Huyền Thu	07/06/1975	Giáo viên, Tổ phó Tổ chuyên môn khối 2;3	Thư ký
4	Phan Thị Hồng Nhung	09/09/1981	Giáo viên, Chủ tịch công đoàn trường	Thành viên
5	Vũ Thị Ngọc Hà	16/04/1986	Giáo viên, Bí thư Đoàn trường	Thành viên
6	Nguyễn Thị Lệ	01/01/1970	Tổ trưởng Tổ chuyên môn khối 1	Thành viên
7	Vũ Thị Lụa	05/02/1972	Tổ trưởng Tổ chuyên môn khối 2;3	Thành viên
8	Bùi Thị Sơn	31/12/1971	Tổ trưởng Tổ chuyên môn khối 4;5	Thành viên
9	Đỗ Thị Sâm	16/08/1983	Nhân viên, Tổ trưởng Tổ văn phòng	Thành viên
10	Đinh Văn Chiến	12/04/1966	Phó Chủ tịch UBND phường Nam Thành	Thành viên
11	Vũ Thị Quyết	21/07/1970	Trưởng ban đại diện Hội cha mẹ học sinh	Thành viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Quyết định số: 4337/QĐ-CT ngày 02/11/2018 của UBND Thành phố Ninh Bình về việc điều động, bổ nhiệm cán bộ chức vụ Hiệu trưởng trường Tiểu học Nam Thành.

Quyết định số: 4602/QĐ-CT ngày 03/11/2023 của UBND Thành phố Ninh Bình về việc điều động, bổ nhiệm lại cán bộ chức vụ Hiệu trưởng trường Tiểu học Nam Thành.

Quyết định số: 3576/QĐ-CT ngày 12/08/2016 của UBND Thành phố Ninh Bình về việc điều động, bổ nhiệm cán bộ quản lý trường học chức vụ Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Nam Thành.

Quyết định số: 2836/QĐ-CT ngày 10/08/2021 của UBND Thành phố Ninh Bình về việc bổ nhiệm lại cán bộ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Nam Thành.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy

➤ **Cơ chế hoạt động của trường Tiểu học Nam Thành**

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

➤ *Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:*

Trường Tiểu học Nam Thành được thành lập theo Quyết định số 25/QĐ-TCCB ngày 21 tháng 7 năm 1997 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình. Địa điểm trường có vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận tiện, khung cảnh đẹp, có điều kiện để xây dựng trường trở thành một trường Tiểu học trọng điểm của địa bàn thành phố Ninh Bình.

Trường Tiểu học Nam Thành là đơn vị trực thuộc Phòng GD&ĐT thành phố Ninh Bình, nhà trường đã xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển phù hợp với mục tiêu giáo dục tiểu học và điều kiện thực tế.

Tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục đạt chất lượng theo mục tiêu, chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Tiếp nhận và vận động học sinh đến trường, thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục tiểu học trong phạm vi phường Nam Thành. Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh theo quy định; tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh tham gia các hoạt động xã hội trong cộng đồng.

Quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài chính theo quy định của pháp luật.

Phối hợp với gia đình học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục.

➤ *Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục*

- + 01 Hội đồng trường với 11 thành viên.
- + 01 Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng.
- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 42 đảng viên.
- + Tổ chức Công đoàn có 50 công đoàn viên.
- + Tổ chức Đoàn đội: có 16 lớp sao nhi đồng và 11 chi đội.
- + Ban đại diện CMHS.
- + Các tổ chuyên môn: 03 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng

d) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Đinh Thị Anh Đào	Hiệu trưởng	0912946475	anhdaohmx@gmail.com
2	Hà Thị Tố Mai	Phó Hiệu trưởng	0916868965	hamaiktr@gmail.com

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

- Kế hoạch số 164/KH-THNT ngày 10/12/2020 kế hoạch phát triển Trường Tiểu học Nam Thành giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Quy chế dân chủ ở cơ sở của nhà trường: Quyết định số 138/QĐ-THNT ngày 12/10/2020 về việc Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường Tiểu học Nam Thành.

- Quyết định ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ: số 16/QĐ-THNT ngày 16/01/2023

- Quyết định thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng năm học 2024-2025: số 123/QĐ-THNT ngày 12/08/2024

- Quyết nghị Hội đồng trường: số 129/QN-HĐT-THNT ngày 27/08/2024

- Kế hoạch giáo dục năm học 2024-2025: số 131/KH-THNH ngày 28/8/2024.

- Các quyết định thành lập tổ chuyên môn, tổ văn phòng năm học 2024-2025; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó chuyên môn năm học 2024-2025.

- Một số văn bản khác.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

Thông tin	TS	Số nữ	Đăng viên	Trình độ					GVG			Biên chế	HD
				Th S	ĐH	CD	TC	LL CT	TP	Tinh	QG		
CB quản lý	2	2	2		2			2 TC		2		2	
GV tiểu học	30	29	25	1	25	4		1TC	15	2	1	26	4
GV Thử dục	3	2	2		3							1	2
GV Ngoại ngữ	5	5	4		5				3			4	1
GV Âm nhạc	2	2	2		2				1			2	
GV Mỹ thuật	2	1	2	1	1					2		2	
GV Tin học	2	2	2		2				2			2	
TPT Đội	1	1	1		1							1	
Thư viện, TB	1	1	1		1								1
Kế toán, VT	1	1					1					1	
Y tế, TQ	1	1	1				1						1
Tổng số	50	47	42	2	42	4	2	3	21	6	1	41	9

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

	Tổng (Người)	Kết quả xếp loại của cơ sở giáo dục			
		Khá		Tốt	
		SL (Người)	Tỷ lệ (%)	SL (Người)	Tỷ lệ (%)
1. CBQL					
Hiệu trưởng	1			1	100
Phó Hiệu trưởng	1			1	100
2. Giáo viên					
Tổng số	38	14	36,84	24	63,16
Nữ	37	14	37,84	23	62,16

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

Tổng số: 40 (CBQL: 02; giáo viên: 38); Kết quả hoàn thành công tác bồi dưỡng 40/40 đạt tỷ lệ 100%.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường

Tổng diện tích: 6 238m² (Khu A: 5 090m², khu B: 1148m²); bình quân 6,2 m²/HS; có diện tích sân chơi: 2500 m², nhà đa năng: 350 m².

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị

Phòng theo mục đích sử dụng	Số lượng	Diện tích trung bình (m ²)	Đủ (thiếu)	Kiên cố	Sử dụng có hiệu quả	Đảm bảo các điều kiện CSVC
1. Khối phòng hành chính- quản trị						
Phòng Hiệu trưởng	1	18	Đủ	x	x	x
Phòng Phó HT	1	18	Đủ	x	x	x
Văn phòng	1	18	Đủ	x	x	x
Phòng bảo vệ	1	10	Đủ	x	x	x
Khu vệ sinh GV	2	40	Đủ	x	x	x
Khu để xe GV	1	80	Đủ	x	x	x
2. Khối phòng học tập						
Phòng học	28	50	Đủ	x	x	x
Phòng KH-CN	0	0	Thiếu	0	0	0
Phòng AN-MT	0	0	Thiếu	0	0	0
Phòng ngoại ngữ	0	0	Thiếu	0	0	0
Phòng máy tính	1	60	Đủ	x	x	x
Nhà đa chức năng	1	350	Đủ	x	x	x
3. Khối phòng hỗ trợ học tập						
Thư viện	0	0	Thiếu	0	0	0
Phòng đọc	1	18	Thiếu	x	x	x
Phòng Thiết bị	1	33	Đủ	x	x	x
Phòng tư vấn TLHĐ và hỗ trợ HS khuyết tật	1	18	Đủ	x	x	x
Phòng TT và HĐ Đội	1	18	Đủ	x	x	x
4. Khối phụ trợ						
Phòng họp	1	50	Đủ	x	x	x
Phòng Y tế	1	18	Đủ	x	x	x
Nhà kho	1	30	Đủ	x	x	x
Khu để xe HS	1	60	Đủ	x	x	x
Khu vệ sinh HS	2	220	Đủ	x	x	x
6. Khối phục vụ sinh hoạt						
Nhà bếp	1	100	Đủ	x	x	x
Kho bếp	1	18	Đủ	x	x	x

3. Số thiết bị dạy học hiện có

- 100% các lớp học và phòng học bộ môn có đủ bàn ghế, ti vi, đồ dùng và phương tiện dạy học; 28/28 lớp đã lắp đặt điều hòa.

- Toàn trường có 27 máy tính để bàn có kết nối mạng Internet, 05 máy tính xách tay, 01 bảng tương tác, 03 máy chiếu đa năng, 01 bộ All in one, 7 bộ thiết bị vận động ngoài trời.

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

a) Danh mục sách giáo khoa lớp 1

TT	Môn (HĐGD)	Bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 1	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Ngân Hoa, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Vũ Kim Bảng, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 1	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Bùi Bá Mạnh.	Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 1	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Lê Thị Tuyết Mai, Lục Thị Nga.	Giáo dục Việt Nam
4	Tự nhiên và Xã hội 1	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thán (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Hoàng Quý Tĩnh.	Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục thể chất 1	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hùng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Phạm Mai Vương.	Giáo dục Việt Nam
6	Âm nhạc 1	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Giáo dục Việt Nam
7	Mĩ thuật 1	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Xuân Tiên (Tổng Chủ biên), Hoàng Minh Phúc (Chủ biên), Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Minh Thiên Hoàng, Nguyễn Hồng Ngọc, Lâm Yến Như.	Giáo dục Việt Nam
8	Hoạt động trải nghiệm 1	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Sỹ Tụng (Tổng Chủ biên) - Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Lê Thị Luận, Trần Thị Thu.	Giáo dục Việt Nam
9	Tiếng Anh 1	I learn Smart Start	Nguyễn Thị Ngọc Quyên (Chủ biên), Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Dương Hoài Thương, Nguyễn Thụy Uyên Sa, Nguyễn Hoàng Thiên Ý.	Đại học SP TP Hồ Chí Minh

b) Danh mục sách giáo khoa lớp 2

TT	Môn (HĐGD)	Bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 2	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng, Trần Thị Hiền Lương (đồng chủ biên) Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 2	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Giáo dục Việt Nam

3	Đạo đức 2	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Lê Thị Tuyết Mai.	Giáo dục Việt Nam
4	Tự nhiên và Xã hội 2	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thán (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Phạm Việt Quỳnh, Hoàng Quý Tĩnh.	Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục thể chất 2	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết, Hồ Đắc Sơn (đồng Tổng Chủ biên), Lê Anh Thor (Chủ biên), Nguyễn Thị Hà, Đỗ Mạnh Hùng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Duy Tuyên, Phạm Mai Vương.	Giáo dục Việt Nam
6	Âm nhạc 2	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật, Trần Thị Kim Thăng, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Giáo dục Việt Nam
7	Mĩ thuật 2	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Xuân Tiên, Nguyễn Thị Nhung (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Hoàng Minh Phúc (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Vũ Đức Long, Nguyễn Ánh Phương Nam, Lâm Yến Như, Phạm Văn Thuận, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân.	Giáo dục Việt Nam
8	Hoạt động trải nghiệm 2	Chân trời sáng tạo	Phó Đức Hòa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên), Bùi Ngọc Diệp, Nguyễn Hữu Tâm, Đinh Thị Kim Thoa (đồng Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên, Nguyễn Thị Bích Liên, Nguyễn Thị Hà Liên, Vũ Phương Liên, Nguyễn Hà My, Lại Thị Yến Ngọc, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Huyền Trang, Trần Thị Quỳnh Trang, Lê Phương Trí.	Giáo dục Việt Nam
9	Tiếng Anh 2	I-Learn Smart Start	Nguyễn Thị Ngọc Quyên (Chủ biên), Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Dương Hoài Thương.	Đại học Sư phạm TPHCM

c) Danh mục sách giáo khoa lớp 3

TT	Môn (HDGD)	Bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên) Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên) Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phượng. Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên) Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Vũ Thị Lan, Đặng Thị Hảo Tâm.	Giáo dục Việt Nam
2	Toán	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quý Hường, Bùi Bá Mạnh.	Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn Thị Việt Hà.	Giáo dục Việt Nam

4	TNXH	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thân (Chủ biên), Phan Thanh Hà, Đào Thị Hồng, Nguyễn Hồng Liên, Nguyễn Thị Thanh Thủy.	Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục thể chất	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết, (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Phạm Mai Vương.	Giáo dục Việt Nam
6	Âm nhạc	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật	Giáo dục Việt Nam
7	Mĩ thuật	Chân trời sáng tạo	Hoàng Minh Phúc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị May (Chủ biên), Đỗ Việt Hoàng.	Giáo dục Việt Nam
8	Hoạt động trải nghiệm	Chân trời sáng tạo	Phó Đức Hòa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên), Bùi Ngọc Diệp, Nguyễn Hữu Tâm (đồng Chủ biên), Nguyễn Hà My, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Huyền Trang.	Giáo dục Việt Nam
9	Tin học	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công (Tổng chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đăng Cao Tùng, Đặng Bích Việt.	Giáo dục Việt Nam
10	Công nghệ	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quan, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	Giáo dục Việt Nam
11	Tiếng Anh	Tiếng Anh 3 (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên) Phan Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Hải Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn.	Giáo dục Việt Nam

d) Danh mục sách giáo khoa lớp 4

TT	Tên sách	Bộ sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 4	Kết nối tri thức với cuộc sống	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan.	Giáo dục Việt Nam
			Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	
2	Toán 4	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 4	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung	Giáo dục Việt Nam
4	Lịch sử và Địa lí 4	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Hoàng Thị Thanh Phương.	Giáo dục Việt Nam

5	Khoa học 4	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung.	Giáo dục Việt Nam
6	Tin học 4	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đăng Cao Tùng.	Giáo dục Việt Nam
7	Công nghệ 4	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đông Huy Giới, Dương Giáng Thiên Hương, Bùi Thị Hương, Nguyễn Bích Thảo.	Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục thể chất 4	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Giáo dục Việt Nam
9	Âm nhạc 4	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đỗ Thị Minh Chính (Đồng Tổng chủ biên); Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Giáo dục Việt Nam
10	Mĩ thuật 4	Chân trời sáng tạo (Bản 1)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Lương Thanh Khiết, Nguyễn Anh Phương Nam, Phạm Văn Thuận.	Giáo dục Việt Nam
11	Hoạt động trải nghiệm 4	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tô Oanh.	Giáo dục Việt Nam
12	Tiếng Anh 4	Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Phan Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Hải Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn.	Giáo dục Việt Nam

e) Danh mục sách giáo khoa lớp 5

TT	Môn (HĐGD)	Tên sách, bộ sách	Tên tác giả	Tổ chức, cá nhân (NXB)
1	Tiếng Việt 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng. Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Đặng Thị Hào Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Lịch sử và Địa lí 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

TT	Môn (HĐGD)	Tên sách, bộ sách	Tên tác giả	Tổ chức, cá nhân (NXB)
			Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Dương Thị Oanh.	
5	Khoa học 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Hà Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Ngô Diệu Nga, Nguyễn Thị Thanh Phúc, Đào Thị Sen.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Tin học 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hà Đặng Cao Tùng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Công nghệ 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục thể chất 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng (Chủ biên), Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Âm nhạc 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Mĩ thuật 5	Chân trời sáng tạo - Bản 1	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Hoạt động trải nghiệm 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Tiếng Anh 5	Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Trần Hương Quỳnh (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Nguyễn Minh Tuấn, Nguyễn Quốc Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

Công tác đảm bảo chất lượng giáo dục thường xuyên được quan tâm và thực hiện có hiệu quả. Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT, Phòng GDĐT, nhà trường đã thực hiện nghiêm túc quy trình tự đánh giá, xác định điểm mạnh, điểm yếu và xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng phù hợp, đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục.

Trường đã được Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp tục công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục Cấp độ 3 và được UBND tỉnh công nhận Trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2 tháng 6/2022.

Theo quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 ban hành Quy định về kiểm định chất lượng GD và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường Tiểu học, Hội đồng tự đánh giá trường Tiểu học Nam Thành đã tự đánh giá chất lượng giáo dục năm học 2023-2024 với 5 tiêu chuẩn với 27 tiêu chí ở mức 1; mức 2 và mức 3 trong văn bản đánh giá chất lượng giáo dục. Kết quả tự đánh giá đạt được như sau:

➤ **Kết quả đánh giá.**

+ Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	X
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	X
Tiêu chí 5.4		X	X	X
Tiêu chí 5.5		X	X	X

Kết quả: Đạt Mức 3.

+ Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2		X	
Tiêu chí 3		X	
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5		X	

Kết quả: Không đạt Mức 4.

➤ **B. Kết luận:** Trường đạt Mức 3.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm và hằng năm

Trong những năm gần đây, nhà trường đã thường xuyên tham mưu với UBND phường, UBND thành phố, huy động sự ủng hộ của các tổ chức, cá nhân đầu tư đầu tư xây dựng thêm phòng học, phòng chức năng đáp ứng yêu cầu tăng lớp do số học sinh tăng, đồng thời, cải tạo cơ sở vật chất và mua sắm thêm trang thiết bị hiện đại phục vụ cho công tác giảng dạy và quản lí. Hiện nay, nhà trường đã có một cơ ngơi khang trang, xanh, sạch, đẹp đảm bảo các điều kiện của trường chuẩn quốc gia mức độ 2. Trường đạt tiêu chuẩn trường học Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn - Hạnh phúc.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học 2024 - 2025

a) Kế hoạch tuyển sinh

1. Đối tượng và điều kiện tuyển sinh

- Trẻ sinh từ tháng 01/2018 đến tháng 12/2018 đang cư trú trên địa bàn phường Nam Thành và đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 33, Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ Trường tiểu học.

- Đối với trẻ không thuộc địa bàn tuyển sinh có nhu cầu vào học lớp 1 tại trường, Hội đồng tuyển sinh sẽ xem xét, tiếp nhận theo thứ tự ưu tiên như sau:

+ Con thương binh, liệt sỹ; con gia đình chính sách; hộ nghèo, cận nghèo; trẻ khuyết tật, lang thang, cơ nhỡ,...

+ Có cha hoặc mẹ đang công tác trong lực lượng vũ trang; công tác trong các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh, thành phố đóng trên địa bàn phường Nam Thành.

+ Các trường hợp khác: do Hội đồng tuyển sinh xem xét, thống nhất quyết định.

2. Phương thức tuyển sinh

Việc tuyển sinh lớp 1 được thực hiện theo phương thức xét tuyển.

Cha mẹ học sinh đăng ký **trực tuyến** trên hệ thống đăng ký tuyển sinh đầu cấp của Sở Giáo dục và Đào tạo: <http://ninhbinh.tsd.edu.vn> (Có hướng dẫn chi tiết đính kèm).

3. Thời gian tuyển sinh

1. Đăng ký xét tuyển trực tuyến thử nghiệm: Từ ngày 15/7/2024 đến hết ngày 17/7/2024. Đăng ký xét tuyển trực tuyến trực tiếp: Từ ngày 18/7/2024 đến hết ngày 22/7/2024.

2. Thu hồ sơ đối với những trường hợp đã đăng ký tuyển sinh trực tuyến thành công: Từ ngày 20/7/2024 đến hết ngày 23/7/2024.

b) Kế hoạch giáo dục

Thực hiện Quyết định số 654/QĐ-UBND ngày 07/8/2024 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Ninh Bình. Cụ thể như sau:

Các hoạt động giáo dục	Thời gian thực hiện
Ngày tựu trường	Lớp 1: Thứ Năm, ngày 22/8/2024; Lớp 2 đến 5: Thứ Năm, ngày 29/8/2024

Ngày khai giảng		05/9/2024
Học kỳ I	Ngày bắt đầu	06/9/2024
	Ngày kết thúc	14/01/2025
Nghỉ giữa hai học kỳ		15/01/2025
Học kỳ II	Ngày bắt đầu	16/01/2025
	Hoàn thành chương trình và kết thúc năm học	Trước ngày 31/5/2025

Trong quá trình thực hiện kế hoạch thời gian năm học, nhà trường sẽ bố trí lịch dạy học và các hoạt động giáo dục hợp lý, bố trí dạy bù những ngày nghỉ học đảm bảo tính khoa học.

c) *Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh.*

- Ban đại diện cha mẹ học sinh trường phối hợp với Hiệu trưởng tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục theo nội dung được thống nhất tại cuộc họp đầu năm học của Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, lớp.

- Tiếp tục triển khai các cuộc vận động và các phong trào thi đua “xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” và tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, cuộc vận động “Nói không với tiêu cực trong thi cử, bệnh thành tích trong giáo dục”, Thực hiện An toàn giao thông.

- Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, lớp phối hợp với Hiệu trưởng hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục học sinh. Triển khai và thực hiện các văn bản liên quan đến trách nhiệm và quyền lợi của cán bộ giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh.

- Nâng cao chất lượng Giáo dục toàn diện đối với học sinh và xây dựng trường chuẩn quốc gia; Phối hợp với Hiệu trưởng giáo dục đạo đức cho học sinh; bồi dưỡng học sinh năng khiếu, giúp đỡ học sinh yếu kém; giúp đỡ học sinh nghèo, học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh khó khăn khác.

- Phối hợp với nhà trường trong việc xây dựng cơ sở vật chất; Thi đua, khen thưởng và kỷ luật, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động của cha mẹ học sinh, của Ban đại diện cha mẹ học sinh theo quy định.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2023 - 2024

a) *Kết quả tuyển sinh; số lượng học sinh theo từng khối*

Khối	Tổng số HS	Nữ		Dân tộc		Nữ dân tộc		Khuyết tật	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
	1.011	475	46.98	9	0.89	4	0.40	9	0.89
Khối 1	213	97	45.54	2	0.94		0.00	2	0.94
Khối 2	195	98	50.26	2	1.03		0.00	2	1.03
Khối 3	228	99	43.42		0.00		0.00	2	0.88
Khối 4	188	90	47.87	2	1.06	2	1.06	2	1.06
Khối 5	187	91	48.66	3	1.60	2	1.07	1	0.53

b) *Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo*

II. Năng lực cốt lõi										
Năng lực chung										
Tự chủ và tự học	824	824	213	97	195	98	228	99	188	90
Tốt		678	175	87	156	86	191	90	156	85
Đạt		145	37	10	39	12	37	9	32	5
Cần cố gắng		1	1							
Giao tiếp và hợp tác	824	824	213	97	195	98	228	99	188	90
Tốt		707	180	89	168	88	197	92	162	84
Đạt		117	33	8	27	10	31	7	26	6
Cần cố gắng										
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	824	824	213	97	195	98	228	99	188	90
Tốt		678	187	91	164	87	179	83	148	81
Đạt		146	26	6	31	11	49	16	40	9
Cần cố gắng										
Năng lực đặc thù										
Ngôn ngữ	824	824	213	97	195	98	228	99	188	90
Tốt		704	180	88	171	91	199	92	154	83
Đạt		119	32	9	24	7	29	7	34	7
Cần cố gắng		1	1							
Tính toán	824	824	213	97	195	98	228	99	188	90
Tốt		687	186	91	165	86	189	87	147	79
Đạt		137	27	6	30	12	39	12	41	11
Cần cố gắng										
Tin học	416	416					228	99	188	90
Tốt		332					185	87	147	78
Đạt		84					43	12	41	12
Cần cố gắng										
Công nghệ	416	416					228	99	188	90
Tốt		362					204	93	158	84
Đạt		54					24	6	30	6
Cần cố gắng										
Khoa học	824	824	213	97	195	98	228	99	188	90
Tốt		722	191	91	175	91	198	91	158	83
Đạt		102	22	6	20	7	30	8	30	7
Cần cố gắng										
Thẩm mĩ	824	824	213	97	195	98	228	99	188	90
Tốt		728	194	91	177	91	205	93	152	80
Đạt		96	19	6	18	7	23	6	36	10
Cần cố gắng										
Thể chất	824	824	213	97	195	98	228	99	188	90
Tốt		743	192	92	183	94	207	95	161	82
Đạt		81	21	5	12	4	21	4	27	8
Cần cố gắng										
III. Phẩm chất chủ yếu										
Yêu nước	824	824	213	97	195	98	228	99	188	90
Tốt		824	213	97	195	98	228	99	188	90
Đạt										
Cần cố gắng										
Nhân ái	824	824	213	97	195	98	228	99	188	90
Tốt		808	211	96	183	94	226	98	188	90
Đạt		16	2	1	12	4	2	1		
Cần cố gắng										
Chăm chỉ	824	824	213	97	195	98	228	99	188	90
Tốt		717	183	89	179	93	198	92	157	82
Đạt		107	30	8	16	5	30	7	31	8
Cần cố gắng										
Trung thực	824	824	213	97	195	98	228	99	188	90
Tốt		774	201	93	180	91	215	95	178	90
Đạt		50	12	4	15	7	13	4	10	

Cần cố gắng										
Trách nhiệm	824	824	213	97	195	98	228	99	188	90
Tốt		742	181	87	183	94	207	94	171	87
Đạt		82	32	10	12	4	21	5	17	3
Cần cố gắng										
IV. Đánh giá KQGD	824	824	213	97	195	98	228	99	188	90
- Hoàn thành xuất		229	60	37	56	35	62	36	51	26
- Hoàn thành tốt		331	93	41	79	40	86	37	73	45
- Hoàn thành		258	56	19	59	23	79	26	64	19
- Chưa hoàn thành		6	4		1		1			
V. Khen thưởng		560	153	78	135	74	148	73	124	71
- Giấy khen cấp trường		560	153	78	135	74	148	73	124	71
- Giấy khen cấp trên										
VI. HSDT được trợ giảng										
VII. HS.K.Tật		8	2	1	2		2	1	2	
VIII. HS bỏ học kỳ II										
IX. Chương trình lớp học	824	824	213	97	195	98	228	99	188	90
Hoàn thành	822	822	212	97	195	98	227	99	188	90
Chưa hoàn thành	2	2	1				1			

	Số	Số	Lớp 5	
			Số	Nữ
I. Kết quả học tập				
1. Tiếng Việt	187	187	187	91
Hoàn thành tốt		112	112	68
Hoàn thành		75	75	23
Chưa hoàn thành				
2. Toán	187	187	187	91
Hoàn thành tốt		112	112	57
Hoàn thành		75	75	34
Chưa hoàn thành				
3. Đạo đức	187	187	187	91
Hoàn thành tốt		138	138	77
Hoàn thành		49	49	14
Chưa hoàn thành				
4. Khoa học	187	187	187	91
Hoàn thành tốt		146	146	82
Hoàn thành		41	41	9
Chưa hoàn thành				
5. LS & ĐL	187	187	187	91
Hoàn thành tốt		147	147	79
Hoàn thành		40	40	12
Chưa hoàn thành				
6. Âm nhạc	187	187	187	91
Hoàn thành tốt		74	74	45
Hoàn thành		113	113	46
Chưa hoàn thành				
7. Mỹ thuật	187	187	187	91
Hoàn thành tốt		70	70	42
Hoàn thành		117	117	49
Chưa hoàn thành				
8. Thủ công, Kỹ thuật	187	187	187	91
Hoàn thành tốt		130	130	73
Hoàn thành		57	57	18
Chưa hoàn thành				
9. Thể dục	187	187	187	91
Hoàn thành tốt		93	93	45
Hoàn thành		94	94	46
Chưa hoàn thành				
10. Ngoại ngữ	187	187	187	91

Hoàn thành tốt		105	105	59
Hoàn thành		82	82	32
Chưa hoàn thành				
11. Tin học	187	187	187	91
Hoàn thành tốt		94	94	55
Hoàn thành		93	93	36
Chưa hoàn thành				
12. Tiếng dân tộc	187			
Hoàn thành tốt				
Hoàn thành				
Chưa hoàn thành				
II. Năng lực				
Tự phục vụ tự quản	187	187	187	91
Tốt		167	167	88
Đạt		20	20	3
Cần cố gắng				
Hợp tác	187	187	187	91
Tốt		176	176	89
Đạt		11	11	2
Cần cố gắng				
Tự học và giải quyết vấn đề	187	187	187	91
Tốt		159	159	83
Đạt		28	28	8
Cần cố gắng				
III. Phẩm chất				
Chăm học chăm làm	187	187	187	91
Tốt		162	162	84
Đạt		25	25	7
Cần cố gắng				
Tự tin trách nhiệm	187	187	187	91
Tốt		164	164	82
Đạt		23	23	9
Cần cố gắng				
Trung thực kỷ luật	187	187	187	91
Tốt		175	175	88
Đạt		12	12	3
Cần cố gắng				
Đoàn kết yêu thương	187	187	187	91
Tốt		181	181	89
Đạt		6	6	2
Cần cố gắng				
IV. Khen thưởng		133	133	72
- Giấy khen cấp trường		133	133	72
- Giấy khen cấp trên				
V. HSDT được trợ giảng				
VI. HS.K.Tật		1	1	
VII. HS bỏ học kỳ II				
VIII. Chương trình lớp học	187	187	187	91
Hoàn thành	187	187	187	91
Chưa hoàn thành				

2. Điểm số học sinh

	Sĩ số	Sĩ số	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4	
			Sĩ số	Nữ	Sĩ số	Nữ	Sĩ số	Nữ	Sĩ số	Nữ
I. Kết quả học tập										
I. Tiếng Việt	824	824	213	97	195	98	228	99	188	90
Điểm 10		210	73	45	51	33	48	26	38	26
Điểm 9		250	52	24	30	18	84	45	84	43
Điểm 8		244	63	20	93	43	59	19	29	12

Điểm 6		2							2	1
Điểm 5		5							5	2
Dưới điểm 5		2							2	

	Số	Số	Lớp 5	
			Số	Nữ
<i>I. Kết quả học tập</i>				
<i>1. Tiếng Việt</i>	187	187	187	91
Điểm 10		49	49	36
Điểm 9		64	64	33
Điểm 8		35	35	13
Điểm 7		25	25	6
Điểm 6		11	11	2
Điểm 5		3	3	1
Dưới điểm 5				
<i>2. Toán</i>	187	187	187	91
Điểm 10		63	63	38
Điểm 9		71	71	33
Điểm 8		31	31	9
Điểm 7		13	13	7
Điểm 6		6	6	2
Điểm 5		3	3	2
Dưới điểm 5				
<i>3. Khoa học</i>	187	187	187	91
Điểm 10		59	59	36
Điểm 9		91	91	40
Điểm 8		28	28	12
Điểm 7		9	9	3
Điểm 6				
Điểm 5				
Dưới điểm 5				
<i>4. Lịch sử và Địa lý</i>	187	187	187	91
Điểm 10		98	98	52
Điểm 9		62	62	29
Điểm 8		14	14	6
Điểm 7		9	9	2
Điểm 6		4	4	2
Điểm 5				
Dưới điểm 5				
<i>5. Ngoại ngữ</i>	187	187	187	91
Điểm 10		71	71	44
Điểm 9		34	34	15
Điểm 8		48	48	21
Điểm 7		14	14	6
Điểm 6		13	13	1
Điểm 5		7	7	4
Dưới điểm 5				
<i>6. TH-CN (Tin học)</i>	187	187	187	91
Điểm 10		35	35	21

Điểm 9		59	59	34
Điểm 8		30	30	13
Điểm 7		41	41	12
Điểm 6		8	8	3
Điểm 5		14	14	8
Dưới điểm 5				

c) Số lượng học sinh được công nhân hoàn chương trình tiểu học

Số lượng học sinh được công nhân hoàn chương trình tiểu học $187/187 = 100\%$

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mã số	Quyết toán chi NSNN năm 2024
	A	B		1
II	Chi thường xuyên	triệu đồng	01	7.198,520
2	Giáo dục Tiểu học	triệu đồng	02	7.198,520
2.1	Chia theo nguồn:			7.198,520
2.1.1	Nguồn NSNN	triệu đồng	03	7.198,520
2.1.2	Nguồn phí, lệ phí để lại	triệu đồng	04	
2.1.3	Nguồn khác	triệu đồng	05	
2.2	Chia theo nhóm chi:			7.198,520
2.2.1	Chi thanh toán cá nhân	triệu đồng	06	6.442,000
2.2.2	Chi SC duy tu TS			132.220
2.2.3	Hỗ trợ học bổng, phương tiện đồ dùng cho HS KT		07	26.520
2.2.4	Chi hàng hóa dịch vụ	triệu đồng	08	544.024
2.2.5	Chi hỗ trợ và bổ sung	triệu đồng	09	
2.2.6	Các khoản chi khác	triệu đồng	10	53.756
6	Đào tạo khác trong nước	triệu đồng		
6.1	Chia theo nguồn:			
6.1.1	Nguồn NSNN	triệu đồng	11	
6.1.2	Nguồn phí, lệ phí để lại	triệu đồng	12	
6.1.3	Nguồn khác	triệu đồng	13	
6.2	Chia theo nhóm chi:			
6.2.1	Chi thanh toán cá nhân	triệu đồng	14	
6.2.2	Chi hàng hóa dịch vụ	triệu đồng	15	
6.2.3	Chi hỗ trợ và bổ sung	triệu đồng	16	
6.2.4	Các khoản chi khác	triệu đồng	17	
7	Đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức	triệu đồng	18	
7.1	Chia theo nguồn:			
7.1.1	Nguồn NSNN	triệu đồng	19	
7.1.2	Nguồn phí, lệ phí để lại	triệu đồng	20	
7.1.3	Nguồn khác	triệu đồng	21	
7.2	Chia theo nhóm chi:			
7.2.1	Chi thanh toán cá nhân	triệu đồng	22	
7.2.2	Chi hàng hóa dịch vụ	triệu đồng	23	
7.2.3	Chi hỗ trợ và bổ sung	triệu đồng	24	
7.2.4	Các khoản chi khác	triệu đồng	25	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Thực hiện các cuộc vận động và phong trào thi đua

- 100% CB, GV thực hiện tốt các chỉ thị, các cuộc vận động.
- Danh hiệu thi đua đạt được trong năm học:
 - + Tập thể: Trường được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Cờ đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua năm học 2023-2024; Công đoàn, Liên đội hoàn thành tốt nhiệm vụ.
 - + Cá nhân: Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở: 5 người; Giấy khen của Chủ tịch UBND TP: 7 người; Lao động tiên tiến: 37 người; 01 người được LĐLĐ thành phố tặng giấy khen.

2. Thực hiện nội dung, chương trình và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện

- * Học sinh hoàn thành chương trình lớp học (từ lớp 1 đến lớp 4): 822/824 em = 99,8 %.
- * Học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học: 187/187 em = 100%.
- * Khen thưởng 287 em đạt danh hiệu Hoàn thành xuất sắc và 406 em đạt thành tích vượt trội trong học tập và rèn luyện (693/1011 = 68,3%).

* Kết quả các cuộc thi, giao lưu:

- Thi HKPĐ: toàn đoàn được tặng cờ Ba cấp thành phố.
- 03 học sinh đạt giải cấp quốc gia, 32 học sinh đạt giải cấp tỉnh, 45 học sinh đạt giải cấp thành phố các cuộc thi, giao lưu, các sân chơi trí tuệ trên mạng Internet.

3. Thực hiện nhiệm vụ PCGDTH

- Quy mô trường lớp: 1011 HS/27 lớp.
- Phường Nam Thành tiếp tục đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3.

4. Công tác khác

- Tham gia hiến 06 đơn vị máu.
- Nhà trường đã phối hợp với các cơ quan, ban ngành, đoàn thể thực hiện các hoạt động giáo dục trong nhà trường, tặng quà, học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn với tổng số tiền 29.800.000 đồng.

HIỆU TRƯỞNG



Đinh Thị Anh Đào